



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1039 /TTr-CP

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2025

TỜ TRÌNH
Dự án, dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và các Nghị định hướng dẫn có liên quan, Chính phủ trình Quốc hội dự án Luật Trí tuệ nhân tạo, nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Chủ trương của Đảng và Nhà nước về ưu tiên, đẩy mạnh phát triển các công nghệ chiến lược, từng bước làm chủ công nghệ, đặc biệt là công nghệ Trí tuệ nhân tạo, đã được xác lập nhất quán; trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ trọng tâm là hoàn thiện thể chế, được thể hiện cụ thể trong các văn bản dưới đây:

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đưa ra quan điểm chỉ đạo: "*Chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là yêu cầu tất yếu khách quan*"; xác định mục tiêu tổng quát phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học – công nghệ; và xác định một số chủ trương, chính sách quan trọng như: *nội dung cốt lõi của chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư của Việt Nam là thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên tất cả các ngành, lĩnh vực và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia; hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi cho chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư v.v.*

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định các định hướng chiến lược phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, trong đó nhấn mạnh "*Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước*". Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc xây dựng pháp luật không chỉ dừng lại ở việc điều chỉnh các mối quan hệ xã hội hiện có, mà còn là công cụ chiến lược để kiến tạo và định hình tương lai phát triển của quốc gia.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã nêu rõ quan điểm chỉ đạo: *"Thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược là những nội dung trọng tâm, cốt lõi, trong đó thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước"*. Nghị quyết cũng xác định nhiệm vụ, giải pháp là *"Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số"*. Sự nhấn mạnh vào việc thể chế phải *"đi trước một bước"* và trở thành *"lợi thế cạnh tranh"* không chỉ là một định hướng chính sách mà còn là một triết lý lập pháp mới. Điều này cho thấy một sự thay đổi cơ bản trong tư duy, từ việc phản ứng với các vấn đề phát sinh sang việc chủ động tạo ra một môi trường pháp lý thuận lợi, khuyến khích đổi mới và phát triển, thay vì chỉ tập trung vào việc quản lý.

- Kế hoạch hành động chiến lược số 01-KH/BCĐTW ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW đã cụ thể hóa một cách trực tiếp và mạnh mẽ các nhiệm vụ chiến lược, trong đó xác định 30 *"Sáng kiến đột phá"* có vai trò dẫn dắt. Đặc biệt, *"Sáng kiến đột phá 26: AI quốc gia"* đã đề ra các nhiệm vụ trọng tâm, bao gồm: *"hình thành trung tâm đầu não về nghiên cứu, đào tạo và thử nghiệm AI"*, *"thiết lập cơ chế thử nghiệm các mô hình, giải pháp AI trong môi trường pháp lý được kiểm soát"*, và *"tạo quỹ AI quốc gia"*. Các nhiệm vụ này chính là cơ sở chính trị trực tiếp cho việc xây dựng các thiết chế quan trọng trong dự thảo Luật, bao gồm: Ủy ban Quốc gia về Trí tuệ nhân tạo, Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, và Quỹ Phát triển Trí tuệ nhân tạo Quốc gia. Do đó, việc xây dựng và ban hành Luật Trí tuệ nhân tạo là công cụ pháp lý không thể thiếu để thể chế hóa và tổ chức thực hiện thành công các sáng kiến đột phá này.

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia một lần nữa khẳng định vai trò quan trọng của việc hoàn thiện thể chế, thể hiện trong nhiệm vụ cụ thể: *"Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số"*.

- Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, đặt ra các nhiệm vụ về hoàn thiện thể chế, chính sách cho

phát triển trí tuệ nhân tạo như: “*Xây dựng khung thể chế thử nghiệm (sandbox)*”; “*Hoàn thiện thể chế, các chính sách thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài*”.

- Thông báo kết luận số 39-TB/TGV ngày 09/8/2025 của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo Trung ương) tại cuộc họp của Lãnh đạo Ban Chỉ đạo Trung ương với Thường trực Tổ giúp việc và các cơ quan có liên quan về kiểm điểm việc thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW theo Kết luận số 183-KL/TW ngày 01/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, trong đó giao: *Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Chính phủ xây dựng Luật Trí tuệ nhân tạo, trình Quốc hội xem xét ban hành trong năm 2025.*

2. Cơ sở thực tiễn

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang trở thành công nghệ mũi nhọn của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, mở ra nhiều cơ hội to lớn cho phát triển kinh tế - xã hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức, cấp bách về quản lý, đạo đức và an toàn mà các quy định pháp luật hiện hành chưa bao quát đầy đủ, cụ thể:

- Ngày 14/6/2025, Quốc hội đã ban hành Luật Công nghiệp công nghệ số, trong đó bao gồm một chương “Chương IV: Trí tuệ nhân tạo” nhằm thiết lập nền tảng pháp lý ban đầu mang tính nguyên tắc cho việc phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo. Tuy nhiên, các nội dung quy định này chưa hình thành một hành lang pháp lý toàn diện, đủ thông thoáng để tạo thuận lợi cho việc nghiên cứu, phát triển, triển khai và sử dụng trí tuệ nhân tạo và hệ sinh thái toàn diện về trí tuệ nhân tạo.

- Một số vấn đề thực tiễn như rủi ro về đạo đức, thiên kiến thuật toán, xâm phạm quyền riêng tư và phân biệt đối xử trong ứng dụng AI; sự thiếu cơ chế phân loại, kiểm soát rủi ro hệ thống AI; thiếu cơ chế kiểm định, cấp phép và giám sát các hệ thống AI, đặc biệt hệ thống AI có rủi ro cao; thiếu cơ chế phối hợp hiệu quả trong xây dựng và chia sẻ dùng chung hạ tầng tính toán cho AI; thiếu cơ chế quản trị dữ liệu phục vụ AI; thiếu cơ chế, chính sách phát triển và thu hút nhân lực AI chất lượng cao; thiếu cơ chế khuyến khích khởi nghiệp và thương mại hoá sản phẩm AI nội địa; sự phụ thuộc nhiều vào công nghệ và mô hình nước ngoài, v.v. Tất cả điều này tạo ra rào cản lớn cho việc nghiên cứu, phát triển, triển khai và sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo ở Việt Nam; gây khó khăn và hạn chế cho việc thực hiện phát triển nhanh, bền vững, từng bước làm tự chủ về công nghệ AI như mục tiêu Đảng và Nhà nước ta đã đặt ra. Cụ thể một số vấn đề điển hình này như:

+ *Bất cập trong quản lý, khai thác và bảo vệ dữ liệu – nguồn tài nguyên cốt lõi cho AI*: Nghị quyết 57-NQ/TW đã chỉ rõ phải "đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính" và "phát triển kinh tế dữ liệu, thị trường dữ liệu". Tuy nhiên, thực tiễn việc thu thập, xử lý, chia sẻ và sử dụng dữ liệu cho việc huấn luyện các mô hình AI đang gặp nhiều khó khăn. Các quy định hiện hành về bảo vệ dữ liệu cá nhân dù đã có nhưng chưa đủ chi tiết để giải quyết các bài toán đặc thù của AI (ví dụ: dữ liệu tổng hợp, dữ liệu ẩn danh, quyền được giải thích). Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển các hệ thống AI quy mô lớn.

+ *Vấn đề khoảng trống về trách nhiệm pháp lý khi AI gây thiệt hại*: Đây là một trong những thách thức pháp lý nhức nhối nhất từ thực tiễn. Khi một hệ thống AI gây ra thiệt hại (ví dụ: xe tự lái gây tai nạn, phần mềm chẩn đoán y tế đưa ra kết quả sai, hệ thống tín dụng tự động từ chối cho vay một cách phân biệt đối xử), ai sẽ chịu trách nhiệm? Nhà phát triển, nhà sản xuất, người sử dụng, hay chính hệ thống AI? Pháp luật dân sự, hình sự hiện hành chưa có câu trả lời thỏa đáng cho những tình huống này. Điều này gây hoang mang cho người tiêu dùng và rủi ro cho doanh nghiệp.

+ *Thách thức về an ninh quốc gia, trật tự xã hội và các giá trị đạo đức*: Sự phát triển của AI đặt ra những nguy cơ an ninh phi truyền thống rất cấp bách. Công nghệ deepfake bị lạm dụng để tạo ra các thông tin sai lệch, bôi nhọ, lừa đảo hoặc gây bất ổn chính trị xã hội; hệ thống vũ khí tự động đặt ra các câu hỏi phức tạp về đạo đức và luật pháp quốc tế, đòi hỏi phải có quy định quản lý chặt chẽ; thuật toán thiên vị tạo ra các hệ thống AI có thể vô tình hoặc cố ý học và khuếch đại các định kiến có sẵn trong dữ liệu, dẫn đến các quyết định bất công và phân biệt đối xử trong xã hội. Nghị quyết 57 đã nhấn mạnh yêu cầu "Bảo đảm chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu" và đây là nhiệm vụ không thể trì hoãn.

+ *Yêu cầu cấp thiết của hội nhập và hợp tác quốc tế*: Thiếu khung pháp lý toàn diện để tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư, chuyên gia công nghệ, đồng thời giúp các sản phẩm công nghệ của Việt Nam có thể thâm nhập các thị trường lớn, tránh bị rào cản pháp lý.

- Khoảng cách giữa tốc độ phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo và tốc độ hoàn thiện khung pháp lý đang ngày càng nới rộng. Do đó, các vướng mắc, bất cập không còn là nguy cơ tiềm tàng mà đã trở thành những vấn đề hiện hữu, cấp bách cần sớm được giải quyết.

3. Kinh nghiệm quốc tế

Hiện nay, nhiều quốc gia và khu vực trên thế giới đã và đang rất chủ động, tích cực trong việc xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý cho lĩnh vực

trí tuệ nhân tạo, cho thấy đây là xu hướng tất yếu, không thể đảo ngược:

- Liên minh châu Âu (EU): Đạo luật về Trí tuệ nhân tạo (AI Act) của EU là đạo luật toàn diện đầu tiên trên thế giới về trí tuệ nhân tạo. Đạo luật quy định về khung pháp lý thống nhất và hài hòa cho việc phát triển, triển khai và sử dụng các hệ thống trí tuệ nhân tạo trong EU. Đạo luật này áp dụng cách tiếp cận dựa trên rủi ro, nhằm đảm bảo các hệ thống AI được sử dụng một cách an toàn, đáng tin cậy, minh bạch và tôn trọng các quyền cơ bản cũng như các giá trị của EU. Nội dung chính quy định bao gồm: *quy định chung; các hành vi AI bị cấm; hệ thống AI có rủi ro cao; nghĩa vụ minh bạch đối với nhà cung cấp và người triển khai các hệ thống AI; mô hình AI mục đích chung; các biện pháp hỗ trợ đổi mới; cơ chế quản trị AI; cơ chế giám sát, chia sẻ thông tin đối với các hệ thống AI; cơ chế thực thi, chế tài.*

- Hàn Quốc: Luật cơ bản về phát triển trí tuệ nhân tạo và xây dựng nền tảng niềm tin (Basic Law on the Development of Artificial Intelligence and Creation of a Trust Base) với cách tiếp cận cân bằng giữa thúc đẩy và quản lý AI, trong đó quy định về: *chính sách thúc đẩy phát triển AI lành mạnh và xây dựng nền tảng tin cậy; phát triển công nghệ AI và thúc đẩy công nghiệp AI; đạo đức và độ tin cậy AI; cơ chế thực thi, chế tài.*

- Nhật Bản: Đạo luật thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các công nghệ liên quan đến trí tuệ nhân tạo, trong đó quy định về: *các biện pháp cơ bản (thúc đẩy R&D, thúc đẩy phát triển và chia sẻ cơ sở hạ tầng/thiết bị, đảm bảo tính phù hợp, đảm bảo nhân lực, thúc đẩy giáo dục, điều tra/nghiên cứu, hợp tác quốc tế); ban hành Kế hoạch AI cơ bản; thiết lập trung tâm chiến lược AI.*

- Thái Lan: Dự thảo Đạo luật thúc đẩy và hỗ trợ đổi mới trí tuệ nhân tạo, được xây dựng dựa trên 5 trụ cột cơ bản: quy định dựa trên rủi ro, hỗ trợ đổi mới, nguyên tắc pháp lý chung, giám sát theo quy định, thực thi pháp luật. Nội dung chính quy định bao gồm: *các tổ chức tham gia thúc đẩy và hỗ trợ đổi mới AI; thúc đẩy và hỗ trợ đổi mới AI; chuẩn hoá AI; tiêu chuẩn hợp đồng; đánh giá rủi ro; quỹ bồi thường thiệt hại do sử dụng AI; duy trì tính bảo mật của dữ liệu hệ thống AI.*

- Các quốc gia lớn khác như Hoa Kỳ, Trung Quốc cũng đang khẩn trương xây dựng, hoàn thiện các thể chế quản lý đặc thù cho lĩnh vực AI. Tại Trung Quốc, thực hiện một chiến lược do nhà nước dẫn dắt với mục tiêu trở thành cường quốc AI hàng đầu thế giới. Cách tiếp cận này nhấn mạnh việc đảm bảo an ninh quốc gia, làm chủ công nghệ lõi, và xây dựng các bộ dữ liệu khổng lồ để phát triển các mô hình nền tảng có chủ quyền. Trung Quốc đã ban hành nhiều văn bản quản lý AI như: *"Các biện pháp xác định nội dung tổng hợp được tạo ra bởi AI"; "Quy định quản lý đề xuất thuật toán dịch vụ thông tin Internet"; "Quy định quản lý tổng hợp dịch vụ thông tin Internet"; "Các biện pháp tạm*

thời để quản lý dịch vụ trí tuệ nhân tạo tạo ra". Tại Hoa Kỳ, ưu tiên thúc đẩy đổi mới sáng tạo về AI thông qua các khoản đầu tư lớn vào R&D. Hoa Kỳ đã ban hành nhiều văn bản mới như: Sắc lệnh Hành pháp 14179 về "Loại bỏ rào cản đối với sự lãnh đạo của Hoa Kỳ trong lĩnh vực Trí tuệ nhân tạo"; Bản ghi nhớ M-25-22: Thúc đẩy việc mua sắm AI hiệu quả trong Chính phủ"; "Bản ghi nhớ M-25-21: Thúc đẩy việc sử dụng AI của liên bang thông qua đổi mới, quản trị và niềm tin của công chúng"; "Khung quản lý rủi ro của Viện Tiêu chuẩn và Công nghệ quốc gia".

Qua nghiên cứu cho thấy, triết lý quản lý trí tuệ nhân tạo ở các quốc gia, khu vực có cách tiếp cận khác nhau, chẳng hạn: 1) Nhật Bản: Mục tiêu chính của Đạo luật thúc đẩy AI là thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Luật này thừa nhận AI là công nghệ nền tảng cho sự phát triển kinh tế xã hội của Nhật Bản và tìm cách nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả của đất nước thông qua AI. Phương pháp tiếp cận quản lý của luật này giảm thiểu gánh nặng pháp lý, từ chối các hình phạt trực tiếp, thay vào đó là sự hướng dẫn của chính phủ và hợp tác tự nguyện. 2) Châu Âu: Đạo luật AI mang tính phòng ngừa, và mục tiêu chính của nó là bảo vệ các quyền cơ bản, sức khỏe và sự an toàn. Hoạt động chủ yếu như một quy định về an toàn sản phẩm, đạo luật này áp đặt các nghĩa vụ tuân thủ nghiêm ngặt với các hình phạt nghiêm khắc. 3) Hàn Quốc: Đạo luật Khung AI của Hàn Quốc vạch ra một lộ trình dung hoà giữa việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh toàn cầu của Hàn Quốc và giải quyết các rủi ro xã hội tiềm ẩn do việc lạm dụng AI gây ra. Do đó, đạo luật này kết hợp các biện pháp thúc đẩy mạnh mẽ với các quy định có mục tiêu.

Các ví dụ trên minh chứng cho xu hướng toàn cầu về việc ban hành các quy định pháp lý toàn diện, hoàn chỉnh cho việc nghiên cứu phát triển, triển khai và ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Điều này cho thấy rằng việc Việt Nam xây dựng Luật Trí tuệ nhân tạo phù hợp với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế. Việc Việt Nam học tập có chọn lọc kinh nghiệm của các quốc gia đi đầu để xây dựng hành lang pháp lý nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo sẽ đảm bảo phù hợp với bối cảnh và mục tiêu phát triển của mình. Điều này không chỉ nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong môi trường số toàn cầu mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút đầu tư nước ngoài, thúc đẩy thương mại kỹ thuật số xuyên biên giới và củng cố vị thế của Việt Nam. Pháp luật về trí tuệ nhân tạo của Việt Nam cần tương thích với các tiêu chuẩn quốc tế, sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp quốc tế hoạt động tại Việt Nam hoặc cho các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng ra toàn cầu. Do đó, việc tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế là chìa khóa để thúc đẩy hội nhập kinh tế sâu rộng hơn và tận dụng các cơ hội toàn cầu.

Như vậy, bối cảnh và tình hình nêu trên đặt ra yêu cầu cấp bách là nhanh chóng hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật làm nền tảng vững chắc để quản lý và thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, phát triển, triển khai và sử dụng trí tuệ nhân tạo ở Việt Nam. Việc có một Luật khung về Trí tuệ nhân tạo là cần thiết để vừa bảo đảm tính ổn định của pháp luật, vừa cho phép thích ứng nhanh với sự phát triển của công nghệ, đồng thời phù hợp với xu thế lập pháp trên thế giới. Một đạo luật được thiết kế tốt sẽ là đòn bẩy giúp Việt Nam vượt qua các thách thức về hạ tầng, nhân lực, xây dựng một nền kinh tế AI năng động, và khẳng định vị thế của một quốc gia có năng lực tự chủ về công nghệ.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN, DỰ THẢO LUẬT

1. Mục đích ban hành văn bản

Nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước, tạo hành lang pháp lý đột phá cho trí tuệ nhân tạo; kiến tạo môi trường pháp lý thuận lợi để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; đồng thời quản lý rủi ro, bảo vệ lợi ích quốc gia, quyền con người và chủ quyền số.

2. Quan điểm xây dựng dự án, dự thảo Luật

Đảm bảo thể chế hoá các chủ trương, định hướng đã được xác định trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng và Nhà nước.

Luật Trí tuệ nhân tạo là luật khung, linh hoạt và thích ứng với sự phát triển của công nghệ. Luật này quy định một cách có hệ thống, toàn diện các biện pháp nhằm cân bằng giữa quản lý và thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, phát triển, triển khai và ứng dụng trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam.

Luật Trí tuệ nhân tạo đặt con người làm trung tâm, với nguyên tắc tối cao là trí tuệ nhân tạo phục vụ con người, không thay thế con người, con người giám sát trí tuệ nhân tạo ở những quyết định trọng yếu; trí tuệ nhân tạo phải minh bạch, trách nhiệm và an toàn.

Luật Trí tuệ nhân tạo quản lý hệ thống trí tuệ nhân tạo theo mức độ rủi ro, khuyến khích phát triển trí tuệ nhân tạo trong nước và tự chủ về trí tuệ nhân tạo, lấy trí tuệ nhân tạo làm động lực tăng trưởng nhanh, bền vững và bảo đảm chủ quyền số quốc gia.

Nội dung Luật Trí tuệ nhân tạo kế thừa và bãi bỏ các quy định về trí tuệ nhân tạo tại Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15; bổ sung các khoảng trống pháp lý để hoàn thiện pháp luật về trí tuệ nhân tạo.

Tham khảo có chọn lọc pháp luật và kinh nghiệm thực tiễn về xu hướng phát triển trí tuệ nhân tạo của một số quốc gia phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam, pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN, DỰ THẢO LUẬT

Dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo đã được xây dựng theo khoản 2 Điều 26 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, với quá trình thực hiện như sau:

- Tại Văn bản số 39-TB/TGV ngày 09/8/2025 của Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương Thông báo Kết luận cuộc họp của Lãnh đạo Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, với thường trực Tổ Giúp việc và các Cơ quan có liên quan về kiểm điểm thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW theo Kết luận số 183-KL/TW ngày 01/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, theo đó giao Bộ Khoa học và Công nghệ: *“Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Chính phủ xây dựng Luật Trí tuệ nhân tạo, trình Quốc hội xem xét ban hành trong năm 2025”*.

- Ngày 16/8/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Văn bản số 3933/BKHCN-CĐSQG về việc xin ý kiến về đề xuất Chính phủ xây dựng Luật Trí tuệ nhân tạo trình Quốc hội ban hành trong năm 2025 gửi Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Tư pháp. Bộ Tư pháp và Bộ Quốc phòng đã có ý kiến tại các văn bản số 5200/BTP-PLDSKT ngày 22/8/2025 và 5261/BQP-PC ngày 22/8/2025, theo đó cả hai Bộ Tư pháp và Bộ Quốc phòng đều nhất trí về sự cần thiết xây dựng Luật Trí tuệ nhân tạo và nhất trí giao Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ trì xây dựng dự án Luật này.

- Ngày 19/8/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có văn bản số 4023/BKHCN-CĐSQG về việc đề xuất Chính phủ xây dựng Luật Trí tuệ nhân tạo trình Quốc hội ban hành trong năm 2025.

- Ngày 03/9/2025, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 8192/VPCP-KSTT về việc đề xuất Chính phủ xây dựng Luật Trí tuệ nhân tạo trình Quốc hội ban hành trong năm 2025, theo đó Chính phủ có ý kiến: Đồng ý về chủ trương đề Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, xây dựng Luật Trí tuệ nhân tạo trình Quốc hội ban hành trong năm 2025. Bộ Khoa học và Công nghệ khẩn trương hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ trước ngày 12/9/2025 để xem xét việc thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2025 của Quốc hội.

- Ngày 11/9/2025, Văn phòng Quốc hội có Thông báo số 3323/TB-VPQH về kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2025 và bổ sung các dự án luật, nghị quyết vào dự kiến chương trình Kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025). Tại thời điểm này, dự án Luật Trí tuệ nhân tạo chưa có Tờ trình gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị xem xét bổ sung vào Chương trình lập pháp năm 2025. Do đó theo Thông báo trên, dự án Luật Trí tuệ nhân tạo sẽ không tiếp tục được đề nghị bổ sung vào Chương trình lập pháp năm 2025 mà tập trung hoàn thiện hồ sơ dự án luật theo quy định để gửi các cơ quan của Quốc hội thẩm tra, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến.

- Ngày 16/9/2025, Đảng uỷ Bộ Khoa học và Công nghệ có Nghị quyết số 37-NQ/ĐU về chủ trương, chính sách lớn, quan trọng của Luật Trí tuệ nhân tạo.

- Ngày 19/9/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ có Tờ trình số 147/TTr-BKHCN về việc triển khai xây dựng dự án Luật Trí tuệ nhân tạo, theo đó, Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị Chính phủ cho phép thực hiện dự án Luật theo trình tự, thủ tục theo khoản 2 Điều 26 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

- Ngày 06/10/2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 307/NQ-CP, theo đó Chính phủ thống nhất trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc bổ sung dự án Luật Trí tuệ nhân tạo vào dự kiến chương trình kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV năm 2025 như đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 147/TTr-BKHCN ngày 19/9/2025; và giao Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ, ký Tờ trình gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định.

- Ngày 26/9/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có văn bản số 5075/BKHCN-CNS&CDS về việc cho ý kiến góp ý đối với dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo gửi xin ý kiến rộng rãi các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp, các chuyên gia, nhà khoa học.

- Ngày 17/10/2025, Bộ Tư pháp đã tổ chức buổi họp thẩm định đối với hồ sơ dự án Luật Trí tuệ nhân tạo; có báo cáo thẩm định số 497/BCTĐ-BTP ngày 18/10/2025.

- Ngày 27/10/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ có Tờ trình số 203/TTr-BKHCN trình Chính phủ về dự án, dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo.

- Ngày 06/11/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản số 321/BC-BKHCN gửi Thủ tướng Chính phủ về báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ đối với Hồ sơ Dự án Luật Trí tuệ nhân tạo.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN, DỰ THẢO LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

a) Luật này quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, phát triển, cung cấp, triển khai và sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo; quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có liên quan; và quản lý nhà nước đối với các hoạt động trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam.

b) Luật này không áp dụng đối với:

- Hệ thống trí tuệ nhân tạo được phát triển, cung cấp, triển khai, sử dụng riêng cho mục đích quốc phòng, an ninh, tình báo, cơ yếu;

- Hệ thống trí tuệ nhân tạo hoặc mô hình trí tuệ nhân tạo được phát triển, cung cấp, triển khai, sử dụng chỉ trong phạm vi nội bộ cơ sở nghiên cứu, đào tạo, phát triển khoa học và chưa được đưa vào khai thác, cung cấp cho bên thứ ba.

c) Trường hợp hệ thống trí tuệ nhân tạo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được sử dụng cho mục đích khác với mục đích quy định, thì phần hoạt động đó thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này. Trường hợp không thể tách phần hoạt động khỏi toàn bộ hệ thống, thì hệ thống đó thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

1.2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động phát triển, cung cấp, triển khai, sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam, hoặc có hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo ra kết quả được sử dụng tại Việt Nam.

2. Bố cục dự thảo văn bản

Dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo gồm 08 Chương với 36 điều, cụ thể như sau:

Chương I. Quy định chung gồm 06 điều, từ Điều 1 đến Điều 6 quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; nguyên tắc cơ bản; chính sách của Nhà nước về trí tuệ nhân tạo; Ủy ban Quốc gia, Cổng thông tin và Cơ sở dữ liệu quốc gia về trí tuệ nhân tạo.

Chương II. Phân loại và quản lý hệ thống trí tuệ nhân tạo theo rủi ro gồm 10 điều, từ Điều 7 đến Điều 16 quy định về mức độ rủi ro của hệ thống trí tuệ nhân tạo; phân loại và thông báo hệ thống trí tuệ nhân tạo; trách nhiệm minh bạch, gắn nhãn và giải trình; trách nhiệm quản lý và xử lý sự cố trí tuệ nhân tạo; hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro không chấp nhận được; đánh giá sự phù hợp đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao; nghĩa vụ của nhà cung cấp và bên triển khai hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao; quản lý hệ thống trí tuệ nhân tạo rủi ro trung bình và thấp; trách nhiệm của nhà phát triển và người sử dụng mô hình trí tuệ nhân tạo đa dụng; quản lý mô hình trí tuệ nhân tạo đa dụng có rủi ro hệ thống.

Chương III. Phát triển hạ tầng và bảo đảm chủ quyền trí tuệ nhân tạo quốc gia gồm 03 điều, từ Điều 17 đến Điều 19 quy định về hạ tầng trí tuệ nhân tạo quốc gia; cơ sở dữ liệu phục vụ trí tuệ nhân tạo; hợp tác và huy động nguồn lực phát triển hạ tầng trí tuệ nhân tạo.

Chương IV. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực gồm 07 điều, từ Điều 20 đến Điều 26 quy định về Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo; chính sách phát triển hệ sinh thái và thị trường trí tuệ nhân tạo; cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với trí tuệ nhân tạo; quỹ Phát triển Trí tuệ nhân tạo Quốc gia; phát triển nguồn nhân lực trí tuệ nhân tạo; phát triển cụm liên kết và cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho hệ sinh thái; hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo.

Chương V. Đạo đức và trách nhiệm trong hoạt động trí tuệ nhân tạo gồm 02 điều, từ Điều 27 đến Điều 28 quy định về khung đạo đức trí tuệ nhân tạo.

quốc gia; trách nhiệm đạo đức và đánh giá tác động khi ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong khu vực nhà nước.

Chương VI. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm gồm 02 điều, từ Điều 29 đến Điều 30 quy định về xử lý vi phạm và trách nhiệm bồi thường thiệt hại; thanh tra, kiểm tra.

Chương VII. Quản lý nhà nước về trí tuệ nhân tạo gồm 04 điều, từ Điều 31 đến Điều 34 quy định về nội dung quản lý nhà nước về trí tuệ nhân tạo; nguyên tắc bảo đảm bí mật kinh doanh, quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động quản lý nhà nước; hợp tác quốc tế; trách nhiệm quản lý nhà nước về trí tuệ nhân tạo.

Chương VIII. Điều khoản thi hành gồm 02 điều, từ Điều 35 đến Điều 36 quy định về sửa đổi, bãi bỏ một số quy định pháp luật có liên quan; hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản

3.1. Chương I: Quy định chung

Chương này xác định nền tảng pháp lý và các khái niệm cốt lõi của dự thảo luật.

- *Phạm vi và Đối tượng*: Phạm vi điều chỉnh bao gồm hoạt động nghiên cứu, phát triển, cung cấp, triển khai và sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo, quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan, và quản lý nhà nước đối với các hoạt động trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam hoặc có tác động đến tổ chức, cá nhân tại Việt Nam. Luật không áp dụng cho trí tuệ nhân tạo dùng riêng cho mục đích quốc phòng, an ninh, tình báo và các mô hình nghiên cứu, đào tạo chưa triển khai ra bên ngoài. Đối tượng áp dụng là cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có hoạt động trí tuệ nhân tạo liên quan đến Việt Nam.

- *Giải thích từ ngữ*: Dự thảo đưa ra định nghĩa cho các thuật ngữ then chốt như: Trí tuệ nhân tạo, hệ thống trí tuệ nhân tạo, các hệ thống tác tử (tác tử, đa tác tử, điều phối siêu tác tử), mô hình Trí tuệ nhân tạo đa dụng, rủi ro hệ thống, thử nghiệm có kiểm soát (sandbox), sự cố nghiêm trọng v.v. Phần giải thích cũng phân định rõ trách nhiệm của các chủ thể: Nhà phát triển (chịu trách nhiệm về kỹ thuật, an toàn của hệ thống), Nhà cung cấp (chịu trách nhiệm khi đưa hệ thống ra lưu hành), Bên triển khai (chịu trách nhiệm về việc sử dụng, giám sát), Người sử dụng và Người bị ảnh hưởng.

- *Nguyên tắc và Chính sách*: Các nguyên tắc cơ bản được thiết lập, bao gồm lấy con người làm trung tâm, bảo đảm sự kiểm soát của con người, an toàn, công bằng, minh bạch, tuân thủ pháp luật và đạo đức Việt Nam, và thúc đẩy đổi mới sáng tạo bền vững. Chính sách của Nhà nước nhấn mạnh quản lý theo phương thức tiếp cận rủi ro, khuyến khích thử nghiệm có kiểm soát, ưu tiên đầu tư hạ tầng, và chủ động hội nhập quốc tế.

- *Cơ cấu*: Dự thảo quy định về Ủy ban Quốc gia về Trí tuệ nhân tạo là cơ quan liên ngành, chỉ đạo, điều phối chiến lược, chính sách và hoạt động phát triển trí tuệ nhân tạo; Cổng thông tin điện tử một cửa và Cơ sở dữ liệu quốc gia về Trí tuệ nhân tạo.

3.2. Chương II: Phân loại và quản lý hệ thống trí tuệ nhân tạo theo rủi ro

Chương này trình bày cách tiếp cận quản lý dựa trên rủi ro, phân loại Trí tuệ nhân tạo thành bốn cấp độ và áp đặt nghĩa vụ tương ứng.

- *Phân loại rủi ro*: Hệ thống trí tuệ nhân tạo được phân loại theo rủi ro, với 4 mức độ rủi ro bao gồm: 1) Rủi ro không chấp nhận được: hệ thống có khả năng gây tổn hại nghiêm trọng, không thể khắc phục. 2) Rủi ro cao: hệ thống có thể gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, quyền, lợi ích hợp pháp. 3) Rủi ro trung bình: hệ thống có nguy cơ gây nhầm lẫn, thao túng hoặc lừa dối người sử dụng. 4) Rủi ro thấp: các trường hợp còn lại.

- *Nghĩa vụ chung (Phân loại, minh bạch, sự cố)*:

+ Nhà cung cấp phải tự phân loại hệ thống trước khi lưu hành và chịu trách nhiệm về kết quả phân loại. Đối với hệ thống rủi ro trung bình và cao, nhà cung cấp phải thông báo cho Bộ KH&CN qua Cổng thông tin một cửa. Cơ quan có thẩm quyền được quyền kiểm tra, đánh giá lại việc phân loại.

+ Luật quy định trách nhiệm minh bạch, gắn nhãn và giải trình. Cụ thể, bên triển khai phải thông báo rõ và gắn nhãn đối với nội dung tạo ra hoặc chỉnh sửa có yếu tố giả mạo, mô phỏng người thật (deepfake) có thể gây hiểu lầm, hoặc nội dung do Trí tuệ nhân tạo tạo ra nhằm mục đích truyền thông, quảng cáo. Nhà cung cấp và bên triển khai phải giải trình về kết quả xử lý của hệ thống rủi ro cao khi người bị ảnh hưởng yêu cầu.

+ Về xử lý sự cố, các bên có trách nhiệm kịp thời khắc phục, tạm dừng hoặc thu hồi hệ thống và báo cáo qua Cổng thông tin một cửa.

- *Quản lý theo rủi ro*: (1) Rủi ro không chấp nhận được: Các hệ thống này bị cấm phát triển, cung cấp, triển khai hoặc sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào. Danh mục cấm bao gồm hệ thống dùng cho hành vi bị pháp luật nghiêm cấm, sử dụng yếu tố giả mạo để lừa dối, thao túng gây tổn hại nghiêm trọng, lợi dụng điểm yếu của nhóm người dễ bị tổn thương (trẻ em, người cao tuổi...), hoặc tạo nội dung giả mạo gây nguy hại nghiêm trọng đến an ninh quốc gia. (2) Rủi ro cao: Hệ thống rủi ro cao phải được đánh giá sự phù hợp trước khi lưu hành hoặc đưa vào sử dụng. Việc đánh giá có thể theo hình thức chứng nhận sự phù hợp (do tổ chức được chỉ định thực hiện) hoặc giám sát sự phù hợp (nhà cung cấp tự đánh giá). Thủ tướng Chính phủ quy định Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao tương ứng với từng hình thức đánh giá. Nghĩa vụ chi tiết được quy định cho nhà cung cấp (thiết lập biện pháp quản lý rủi ro, quản trị dữ...

liệu huấn luyện, lập hồ sơ kỹ thuật, bảo đảm khả năng giám sát của con người) và bên triển khai (vận hành đúng mục đích, bảo đảm an toàn, thực hiện nghĩa vụ minh bạch). Nhà cung cấp nước ngoài có hệ thống rủi ro cao phải có đại diện được ủy quyền tại Việt Nam, và phải thành lập pháp nhân tại Việt Nam nếu hệ thống thuộc diện bắt buộc chứng nhận sự phù hợp. (3) Rủi ro trung bình, thấp và Mô hình đa dụng: Hệ thống rủi ro trung bình phải bảo đảm minh bạch, gắn nhãn. Dự thảo cũng quy định trách nhiệm của nhà phát triển và người sử dụng mô hình Trí tuệ nhân tạo đa dụng nhằm bảo đảm tuân thủ pháp luật Việt Nam. Các nghĩa vụ tăng cường được áp dụng đối với các mô hình GPAI có rủi ro hệ thống (khả năng tác động sâu rộng), bao gồm đánh giá tác động, lưu giữ hồ sơ kỹ thuật và thông báo cho Bộ KH&CN. Tuy nhiên, các mô hình Trí tuệ nhân tạo đa dụng mã nguồn mở được miễn áp dụng các nghĩa vụ tăng cường này; trường hợp mô hình mã nguồn mở được dùng để phát triển hệ thống Trí tuệ nhân tạo thì tổ chức sử dụng phải thực hiện quản lý rủi ro của hệ thống đó.

3.3. Chương III: Phát triển hạ tầng và bảo đảm chủ quyền trí tuệ nhân tạo quốc gia

Chương này tập trung vào việc xây dựng nền tảng vật chất và dữ liệu cho trí tuệ nhân tạo.

- *Hạ tầng Trí tuệ nhân tạo quốc gia*: Hạ tầng Trí tuệ nhân tạo quốc gia được xác định là bộ phận trọng yếu của hạ tầng số quốc gia. Nhà nước xây dựng và vận hành hạ tầng cốt lõi, cung cấp như một dịch vụ công, bao gồm trung tâm dữ liệu, hạ tầng tính toán hiệu năng cao. Quy hoạch hạ tầng Trí tuệ nhân tạo phải gắn với quy hoạch năng lượng, ưu tiên sử dụng năng lượng tái tạo.

- *Cơ sở dữ liệu*: Nhà nước xây dựng, quản lý và vận hành CSDL quốc gia về Trí tuệ nhân tạo theo nguyên tắc mở, an toàn, có kiểm soát. Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục bộ dữ liệu trọng điểm phục vụ phát triển Trí tuệ nhân tạo (ví dụ: y tế, giáo dục, nông nghiệp, ngôn ngữ tiếng Việt).

- *Huy động nguồn lực*: Luật khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư, xây dựng hạ tầng Trí tuệ nhân tạo quốc gia theo hình thức hợp tác công – tư (PPP). Dữ liệu, năng lực tính toán, mô hình và quyền sở hữu trí tuệ được công nhận là tài sản hợp pháp khi góp vốn.

3.4. Chương IV: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực

Chương này vạch ra các chiến lược và cơ chế hỗ trợ để thúc đẩy hệ sinh thái Trí tuệ nhân tạo.

- *Chiến lược và Chính sách*: Dự thảo Luật quy định việc xây dựng Chiến lược quốc gia về Trí tuệ nhân tạo, được rà soát và cập nhật định kỳ ít nhất 3 năm một lần. Chiến lược khuyến khích các dòng trí tuệ nhân tạo phù hợp với điều kiện Việt Nam (như Trí tuệ nhân tạo cỡ nhỏ, chuyên ngành, tiết kiệm tài

nguyên, Trí tuệ nhân tạo ngôn ngữ Việt Nam). Các chính sách phát triển hệ sinh thái cũng được nêu rõ, bao gồm ưu tiên trong mua sắm công đối với sản phẩm trí tuệ nhân tạo trong nước, ưu đãi về thuế, tín dụng. Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) và doanh nghiệp khởi nghiệp được ưu tiên truy cập dữ liệu và hưởng chính sách hỗ trợ.

- *Cơ chế hỗ trợ*: Thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox): Tổ chức, cá nhân được tham gia cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với trí tuệ nhân tạo, ưu tiên các hệ thống trí tuệ nhân tạo tự động, đa tác tử và trí tuệ nhân tạo tạo sinh. Hoàn thành thử nghiệm thành công có thể được áp dụng thủ tục rút gọn trong quá trình đánh giá sự phù hợp (đối với hệ thống rủi ro cao) và được ưu tiên tiếp cận hỗ trợ tài chính từ Quỹ Phát triển Trí tuệ nhân tạo Quốc gia. Quỹ Phát triển Trí tuệ nhân tạo Quốc gia: Một quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì lợi nhuận sẽ được thành lập nhằm huy động nguồn lực để tài trợ, hỗ trợ hoặc đầu tư rủi ro có kiểm soát cho các hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

- *Nguồn nhân lực*: Một chiến lược phát triển nhân lực toàn diện được đề ra. Giáo dục phổ thông sẽ tích hợp nội dung cơ bản về trí tuệ nhân tạo, tư duy tính toán, kỹ năng số và đạo đức công nghệ. Nhà nước triển khai Chương trình quốc gia phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo, do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì xây dựng.

- *Cụm liên kết và Hỗ trợ doanh nghiệp*: Luật khuyến khích hình thành và phát triển cụm liên kết ngành trí tuệ nhân tạo tại các khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo, trường đại học. Các hỗ trợ cụ thể cho DNNVV cũng được quy định, như hỗ trợ chi phí đánh giá sự phù hợp, cung cấp miễn phí hồ sơ mẫu và ưu tiên tiếp cận vốn hỗ trợ từ Quỹ.

3.5. Chương V: Đạo đức và trách nhiệm trong hoạt động trí tuệ nhân tạo

Chương này thiết lập các chuẩn mực về đạo đức trong phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo.

- *Khung đạo đức quốc gia*: Thủ tướng Chính phủ được giao ban hành Khung đạo đức Trí tuệ nhân tạo quốc gia trên cơ sở các nguyên tắc bảo đảm an toàn, không gây hại, bảo đảm tiếp cận bình đẳng và thúc đẩy hạnh phúc con người. Khung này được rà soát, cập nhật định kỳ tối thiểu 3 năm một lần.

- *Trách nhiệm trong khu vực nhà nước*: Việc sử dụng hệ thống Trí tuệ nhân tạo trong quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công phải được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch. Quan trọng nhất, việc Trí tuệ nhân tạo hỗ trợ ra quyết định trong cơ quan nhà nước không được thay thế thẩm quyền, trách nhiệm và quyền quyết định của người ra quyết định. Cơ quan vận hành hệ thống Trí tuệ nhân tạo thuộc nhóm rủi ro cao phải lập báo cáo đánh giá tác động.

3.6. Chương VI: Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

Chương này quy định các cơ chế giám sát, chế tài xử lý và trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

- *Hoạt động thanh tra, kiểm tra*: Hoạt động thanh tra chuyên ngành tuân thủ pháp luật về thanh tra. Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về Trí tuệ nhân tạo. Khi có yêu cầu thanh tra, kiểm tra (hoặc yêu cầu của Tòa án, Trọng tài), các bên liên quan có nghĩa vụ cung cấp hồ sơ kỹ thuật, nhật ký lưu vết và dữ liệu huấn luyện để xác định nguyên nhân vi phạm hoặc phân định trách nhiệm. Việc cung cấp thông tin này phải tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và dữ liệu cá nhân. Kết luận thanh tra và quyết định xử lý vi phạm phải được công khai trên Cổng thông tin điện tử một cửa, trừ các nội dung thuộc bí mật.

- *Xử lý vi phạm và Bồi thường thiệt hại*: Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo pháp luật dân sự. Nội dung then chốt là thiệt hại do hệ thống Trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao gây ra được xác định là thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Theo đó, nhà cung cấp và bên triển khai hệ thống phải chịu trách nhiệm bồi thường kể cả khi không có lỗi, trừ các trường hợp được miễn trừ theo Bộ luật Dân sự. Trường hợp nhiều chủ thể cùng tham gia (phát triển, cung cấp, triển khai) thì phải liên đới bồi thường; trách nhiệm bồi thường được xác định dựa trên mức độ kiểm soát thực tế, khả năng dự báo và các biện pháp quản lý rủi ro mà mỗi bên đã áp dụng.

- *Mức phạt hành chính*: Mức phạt tiền tối đa đối với vi phạm hành chính là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) đối với tổ chức và 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) đối với cá nhân. Đối với các hành vi vi phạm nghiêm trọng, mức phạt tiền tối đa có thể lên đến 2% doanh thu của năm trước liền kề của tổ chức đó.

3.7. Chương VII: Quản lý nhà nước về trí tuệ nhân tạo

Chương này phân định nội dung quản lý, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và các nguyên tắc bảo mật trong quản lý.

- *Nội dung và trách nhiệm quản lý nhà nước*: Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về Trí tuệ nhân tạo. Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ, chủ trì và phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện quản lý nhà nước về Trí tuệ nhân tạo. Nội dung quản lý nhà nước bao gồm: xây dựng chiến lược, chính sách, pháp luật; ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; quản lý hạ tầng Trí tuệ nhân tạo quốc gia; quản lý, giám sát các hoạt động Trí tuệ nhân tạo; và thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm.

- *Bảo mật trong hoạt động quản lý*: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các cá nhân liên quan có trách nhiệm bảo đảm bí mật thông tin thu được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt là thông tin liên quan đến quyền sở hữu

trí tuệ và bí mật kinh doanh (bao gồm hồ sơ kỹ thuật, dữ liệu huấn luyện, mã nguồn và thuật toán). Việc yêu cầu cung cấp thông tin phải đảm bảo sự cần thiết, tương xứng. Đối với thông tin đặc biệt nhạy cảm như mã nguồn hoặc thuật toán cốt lõi, việc xem xét, giám định được ưu tiên thực hiện tại chỗ trong môi trường an toàn do tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp.

- *Hợp tác quốc tế*: Nhà nước khuyến khích hợp tác quốc tế về chia sẻ hạ tầng tính toán hiệu năng cao, dữ liệu, nhân lực và công nhận kết quả đánh giá sự phù hợp theo quy định của Luật này.

3.8. Chương VIII: Điều khoản thi hành

Chương này quy định về hiệu lực và lộ trình áp dụng luật, theo đó dự thảo sẽ bãi bỏ các quy định về trí tuệ nhân tạo tại Luật Công nghiệp Công nghệ số số 71/2025/QH15 kể từ ngày Luật này có hiệu lực. Luật dự kiến có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 06 năm 2026.

Trong trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật này với luật khác về cùng một vấn đề, thì áp dụng quy định của Luật này. Tuy nhiên, nếu luật khác có quy định về chính sách ưu đãi có lợi hơn cho tổ chức, cá nhân thì được áp dụng quy định có lợi hơn đó.

Quy định chuyển tiếp, đối với các hệ thống trí tuệ nhân tạo đã được đưa vào hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực, nhà cung cấp và bên triển khai có thời hạn 12 tháng kể từ ngày Luật có hiệu lực để hoàn thành các nghĩa vụ tuân thủ. Trong thời hạn này, hệ thống được tiếp tục hoạt động, trừ trường hợp cơ quan quản lý nhà nước xác định hệ thống có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng.

V. PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ THẢO LUẬT

Thể chế hoá các quan điểm, chủ trương của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị về phân cấp, phân quyền tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khoá XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 21-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Quyết định số 608/QĐ-TTg ngày 15/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Đảm bảo đồng bộ, thống nhất về nguyên tắc phân định thẩm quyền, phân cấp, phân quyền tại Luật Tổ chức Chính phủ, dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo đã phân công, phân quyền rõ ràng giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và

Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, và các bộ, ngành, địa phương về quản lý nhà nước và thúc đẩy ứng dụng và quản lý các hoạt động trí tuệ nhân tạo trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.

Các nội dung quy định trong dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo làm phát sinh thêm các thủ tục hành chính bao gồm: Thủ tục phân loại và thông báo hệ thống trí tuệ nhân tạo; báo cáo và xử lý sự cố trí tuệ nhân tạo; đánh giá sự phù hợp đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao; chỉ định các tổ chức đánh giá sự phù hợp, kiểm định hệ thống trí tuệ nhân tạo đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia; thử nghiệm có kiểm soát đối với trí tuệ nhân tạo; thủ tục liên quan đến Cổng thông tin điện tử một cửa về trí tuệ nhân tạo. Các thủ tục này sẽ tiếp tục được quy định chi tiết trong các văn bản dưới luật sau khi Luật này được chính thức ban hành.

VI. VỀ TÍNH THỐNG NHẤT VỚI CÁC CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO LUẬT

Nội dung dự án Luật liên quan đến nhiều chủ trương của Đảng như: Nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết Quốc hội số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược an ninh mạng quốc gia v.v.

Qua rà soát, thống kê các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo, dự kiến có 34 văn bản (19 Luật, 09 Nghị định; 06 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ); và 06 điều ước quốc tế có liên quan đến trí tuệ nhân tạo. Nội dung của dự thảo Luật được bảo đảm tính thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan và tương thích, phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; cụ thể: Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (WTO); Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu (EVFTA); Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP); Hiệp định Công nghệ thông tin ITA; Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tội phạm mạng.

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm thực thi

- Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, tổ chức cá nhân có liên quan xây dựng Luật Trí tuệ nhân tạo.

- Dự kiến nguồn lực

Nguồn lực tài chính để thi hành Luật sẽ được huy động chủ yếu từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương. Ngoài ra, có thể xem xét huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có). Tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 có đặt ra mục tiêu tới năm 2030 “bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và tăng dần theo yêu cầu phát triển”.

Mặc dù việc triển khai Luật sẽ phát sinh các chi phí gián tiếp cho các bộ, ngành, địa phương để rà soát, nâng cấp và chuẩn hóa hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nhưng đây không chỉ là chi phí hoạt động mà là những khoản đầu tư chiến lược vào sự phát triển quốc gia. Lợi ích dự kiến về tăng trưởng kinh tế, hiệu quả quản trị và an sinh xã hội được kỳ vọng sẽ vượt xa các chi phí này.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật

Để đảm bảo việc thi hành Luật, các điều kiện sau đây được đề xuất:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết: Các cơ quan có thẩm quyền sẽ cần khẩn trương ban hành các văn bản được giao trong Luật để hướng dẫn thi hành, đảm bảo phù hợp và đồng bộ với các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về Luật: Các bộ, ngành liên quan như Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, cùng với các cơ quan quản lý nhà nước ở các tỉnh, thành phố, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, sẽ thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức, cá nhân. Đồng thời, cần tổ chức tập huấn chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ trực tiếp thực hiện chuyển đổi số để có nhận thức, kỹ năng đầy đủ về các quy định của Luật và thực hiện kịp thời.

- Bảo đảm nhân lực thực hiện: Cơ bản không phát sinh so với hiện tại, nguồn nhân lực bảo đảm là đội ngũ nhân lực có chuyên môn, kỹ năng phù hợp để thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở kế thừa, tổ chức lại cán bộ làm công tác ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin, không làm tăng tổ chức bộ máy và biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Đảm bảo cơ sở vật chất và kinh phí: Cần rà soát, bố trí hệ thống máy tính, trang thiết bị, nâng cấp hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, đảm bảo khả năng kết nối, khai thác, quản lý, lưu trữ, an toàn, an ninh mạng phục vụ thực thi công

vụ trên môi trường số (thông qua đầu tư công trung hạn). Đồng thời, bố trí kinh phí hỗ trợ thực hiện ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các ngành, lĩnh vực.

3. Về thời gian trình thông qua

Xuất phát từ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và thực tiễn như đã trình bày tại Mục I nêu trên, việc xây dựng Luật Trí tuệ nhân tạo là rất cần thiết, cấp bách, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Quốc hội theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá XV.

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật Trí tuệ nhân tạo, Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Hội đồng Dân tộc;
- Các Ủy ban của QH: Thường vụ Quốc hội, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Pháp luật và Tư pháp;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ: Công an, Quốc phòng, Tư pháp;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký TTgCP;
- các Vụ: PL, KGVX, TH;
- Lưu: VT, KSTT(02).

LT

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**



Nguyễn Mạnh Hùng